

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học;

Chuyên ngành: Mô phôi thai học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THANH TÙNG

2. Ngày tháng năm sinh: 16/02/1970 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): số 29, Liên kê 1, khu đô thị An Hưng, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): số 29, Liên kê 1, khu đô thị An Hưng, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại di động: 0913301944;

E-mail: bstungvmp@gmail.com (hoặc nguyenthantung@vmmu.edu.vn)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1994 đến năm 1997: Bác sỹ, trợ giảng Bộ môn Mô Phôi, Học Viện Quân Y

Từ năm 1997 đến năm 2004 : Bác sỹ, Giảng viên Bộ môn Mô Phôi, Học viện Quân Y

Từ năm 2005 đến năm 2009: Bác sỹ, Giảng viên Trung tâm đào tạo nghiên cứu công nghệ phôi, Học viện Quân Y.

Từ năm 2010 đến năm 2016: Bác sỹ, Giảng viên, Giáo vụ Bộ môn Mô Phôi, Trung tâm đào tạo nghiên cứu công nghệ phôi, Học viện Quân Y.

Từ tháng 9 năm 2016 đến nay: Phó Giám đốc Viện, Bí thư Chi bộ, Giảng viên, Viện Mô Phôi lâm sàng Quân đội, Học viện Quân Y.

Chức vụ: Hiện nay: Phó giám đốc Viện; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Giám đốc viện

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Mô Phôi lâm sàng Quân đội, Học viện Quân Y

Địa chỉ cơ quan: 222 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Điện thoại cơ quan: 069566546

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 5 tháng 8 năm 1994; số văn bằng: A0 67226 ngành: Y; chuyên ngành: Bác sỹ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Quân y, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ y học ngày 11 tháng 8 năm 2000; số văn bằng: 16159; ngành: Y học; chuyên ngành: Y học hình thái; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Bộ giáo dục và đào tạo, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 21 tháng 10 năm 2011; số văn bằng: 000545; ngành: Y học, chuyên ngành: Mô phôi thai học, Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Quân y, Việt Nam.

- Được cấp bằng Chuyên khoa II ngày 10 tháng 01 năm 2022; số văn bằng: 02.000123; ngành: Y học, chuyên ngành: Mô phôi thai học, Nơi cấp bằng CKII (trường, nước): Học viện Quân y, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Quân y

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Các phác đồ kích thích buồng trứng trong hỗ trợ sinh sản, các kỹ thuật labo trong trong hỗ trợ sinh sản (kỹ thuật thụ tinh, kỹ thuật nuôi phôi, kỹ thuật sinh thiết phôi).

- Sàng lọc các bất thường số lượng nhiễm sắc thể, thay đổi cấu trúc nhiễm sắc thể trên phôi tiền làm tổ và chẩn đoán các bệnh di truyền đơn gen.

- Các kỹ thuật đông lạnh bảo quản tế bào giao tử, phôi, mô tinh hoàn, mô buồng trứng

- Ứng dụng tế bào gốc trong điều trị hiếm muộn

- Quản lý nâng cao chất lượng labo thụ tinh trong ống nghiệm

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 06 HVCH/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/BSNT
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp Bộ và Sở khoa học thành phố Hà Nội;
- Đã công bố (số lượng) 93 bài báo KH, trong đó 07 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 02 bằng giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở (năm: 2000, 2008, 2009, 2021)
- Giảng viên giỏi Học viện Quân y các năm học: 2007 – 2008, 2008 – 2009, 2009 – 2010, 2010 – 2011, 2017 – 2018.
- Giảng viên giỏi Bộ Quốc phòng năm 2019.
- Giải ba giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam năm 2012 (Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam. Quyết định khen thưởng số: 886/QĐ-LHHVN)
- Giải nhì giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam năm 2016 (Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam. Quyết định số: 1038/QĐ-LHHVN)
- Năm 2001 hướng dẫn nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải khuyến khích giải thưởng “Sinh viên NCKH”; Năm 2004 nhóm sinh viên đạt giải ba giải thưởng “Sinh viên NCKH”; Năm 2008 nhóm sinh viên đạt giải ba giải thưởng “Sinh viên NCKH” do Bộ giáo dục tổ chức; Năm 2015 hướng dẫn nhóm sinh viên đạt giải nhì Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ Học viện Quân y; Năm 2015 Hướng dẫn nhóm sinh viên đạt giải nhì Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường ĐH, CĐ Y-Dược Việt Nam lần thứ 18 của Bộ y tế tổ chức.
- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên năm 2019: có thành tích xuất sắc trong hỗ trợ và triển khai các kỹ thuật mới cho bệnh viện Sản Nhi, Sở Y tế tỉnh Hưng Yên. Số khen thưởng: 916/KT.
- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ năm 2021: Đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển ngành Y tế tỉnh Phú Thọ trong lĩnh vực phát triển kỹ thuật mới, tiên tiến thuộc chuyên ngành hỗ trợ sinh sản. Quyết định số: 3261/QĐUBND ngày 14 tháng 12 năm 2021.
- Bằng khen của Học viện Quân y:

Đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đổi mới công tác đào tạo tại Học viện Quân y năm 2020;

Đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thực hiện Nghị quyết số 86-NQ/ĐUQSTW ngày 29/3/2007 của Đảng ủy Quân sự Trung ương về công tác giáo dục, đào tạo trong tình hình mới giai đoạn năm 2007-2020.

- Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba và huân chương quân kỳ quyết thắng

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về tư tưởng, đạo đức, tác phong: luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức, giữ gìn lối sống trong sạch, khiêm tốn, trung thực, giản dị. Có lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Xây dựng và giữ gìn mối đoàn kết thống nhất nội bộ trong đơn vị.

Tích cực với nhiệm vụ giảng dạy, đảm bảo chất lượng dạy học, chấp hành nghiêm túc các quy chế của quá trình đào tạo như quy chế giảng dạy, quy chế đánh giá chất lượng học viên. Trên cương vị Phó giám đốc Viện và giảng viên chính của Bộ môn đã tích cực tham gia xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo đổi mới y khoa quân sự tích hợp theo module, bác sỹ nội trú tiên tiến, cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành Mô phôi thai học tại Học viện Quân y.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Chủ nhiệm 02 đề tài (01 đề tài nhánh cấp nhà nước và 01 đề tài cấp sở khoa học công nghệ thành phố Hà Nội) đã được nghiệm thu, tham gia 2 đề tài nghiên cứu cấp nhà nước. Tích cực hướng dẫn bác sỹ trẻ và sinh viên nghiên cứu khoa học, đạt giải cao trong Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học của Học viện Quân y và giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tích cực triển khai các kỹ thuật mới theo kế hoạch phát triển chuyên môn kỹ thuật đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 của Viện Mô Phôi lâm sàng Quân đội để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo điều trị hiếm muộn vô sinh và nghiên cứu khoa học.

Thường xuyên tự học nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, cập nhật kiến thức bài giảng để đảm bảo chất lượng đào tạo học viên đại học và sau đại học.

Tóm lại, tôi tự đánh giá mình trong những năm qua đã hoàn thành tốt nhiệm vụ về đào tạo, điều trị và nghiên cứu khoa học, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của giảng viên.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 26 năm

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017 – 2018			02		285	170	455/530/270
2	2018 – 2019			01		310	115	425/550/270
3	2019 – 2020	01				265	130	395/425/270
3 năm học cuối								
4	2020 – 2021		01			320	210	530/565/270
5	2021 – 2022			01		275	180	455/535/270
6	2022 – 2023					200	140	340/400/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Viện Đại Học mở cấp bằng Anh văn C ngày 17 tháng 10 năm 1996, số bằng: C115002

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Ngọc Diệp		X	X		04/2013 – 11/2013	Học viện Quân y	15/11/2013 Số A081510
2	Đoàn Xuân Kiên		X	X		02/2015 – 11/2015	Học viện Quân Y	03/11/2015 Số A125993
3	Nguyễn Thị Thứ		X	X		4/2017 – 12/2018	Đại học Bách khoa Hà nội	14/12/2018 Số M004462
4	Lê Trọng Tâm		X	X		9/2017 – 6/2018	Đại học đươc Hà nội	13/06/2018 Số D000142
5	Lâm Thị Mai Ngọc		X	X		12/2018 – 10/2019	Học viện Quân y	12/12/2020 Số: 01146
6	Đoàn Xuân Kiên	X		X		10/2018 -	Học viện Quân y	30/12/2021 Số: 01.001057
7	Nguyễn Ngọc Nhất		X	X		4/2021 – 3/2023	Học viện Quân y	28/03/2023 Số 5000077

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phân biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Phôi thai học người	GT	NXB Quân đội nhân	12	Trần Văn Hanh	Trang 178-	

			dân, 2009			202; 231-244	
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
2	Mô học chức năng hệ sinh sản và nội tiết	TK	Nhà xuất bản Y học 2012	7	Nguyễn Đình Tảo	Trang 71-109; 160-236	
3	Một số chuyên đề trong điều trị vô sinh	TK	Nhà xuất bản Y học 2012	7	Nguyễn Đình Tảo		
4	Các tiêu bản mô phôi học	TK	NXB Quân đội nhân dân, 2015	7	Nguyễn Đình Tảo		
5	Mô phôi ứng dụng trong hỗ trợ sinh sản	TK	NXB y học, 2018	11	Nguyễn Đình Tảo	Trang: 238-259; 310-330; 369-376	

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu qui trình bảo quản các tế bào gốc sinh tinh	CN	Đề tài nhánh thuộc Đề tài độc lập cấp nhà nước, Số 1093/QĐ-HVQY ngày 26 tháng 5 năm 2010	5/2010 – 11/2011	Biên bản nghiệm thu (theo số 2449/QĐ-HVQY) ngày 10/11/2011 Xếp loại: Đạt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu quy trình chẩn đoán một số bệnh di truyền trước chuyển phôi để sàng lọc phôi thụ	Tham gia	Đề tài KHCN trọng điểm cấp Nhà nước KC.10/11-15	3/2013 - 10/2015	Biên bản đánh giá (theo số 3848/QĐ-BKHCN ngày 25/12/2015) Xếp loại: Xuất sắc

	tình trong ống nghiệm				
2	Nghiên cứu áp dụng và đánh giá hiệu quả kỹ thuật sàng lọc rối loạn nhiễm sắc thể trước chuyển phôi tại Viện Mô phôi lâm sàng Quân đội, Học viện Quân y	Tham gia	Đề tài nhánh thuộc Đề tài KHCN cấp Quốc gia KC.10.09/16-20	3/2017 – 6/2018	Biên bản nghiệm thu (theo số 3742/QĐ-HVQY) ngày 11/10/2019 Xếp loại: Đạt
3	Ứng dụng kỹ thuật Multiplex PCR phân tích các trình tự lặp ngắn trong chẩn đoán bệnh Hemophilia A trước chuyển phôi tại Hà Nội	CN	Đề tài (đề tài cấp sở khoa học công nghệ tp Hà Nội) 15/10/2017 HDSKH&CN	8/2017-7/2019	Biên bản nghiệm thu (theo số 351/QĐ-SKHCN) ngày 23/6/2020 Xếp loại: Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Năm công bố
I	Trước khi công nhận Tiến sỹ							
1	Nghiên cứu chiết xuất cytokin (IL1, IL6) từ dịch nuôi cấy tế bào sừng	8		Tạp chí thông tin y dược			Số chuyên đề bảng tháng 10, trang 127-129	2000
2	So sánh lọc rửa tinh trùng bằng phương pháp swim-up và thang nồng độ percoll	7		Công trình nghiên cứu y học quân sự			Số 1, trang 16-19	2001
3	Kết quả thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản điều trị vô sinh tại trung tâm công nghệ	9		Tạp chí y dược học quân sự			Số đặc san, trang 127-130	2004

	phôi Học viện Quân y							
4	Các hình thái tinh trùng bất thường của người Việt Nam có tinh dịch đồ bình thường	9		Hội nghị toàn quốc: Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống			Trang 494-496	2004
5	Hình thái hợp tử giai đoạn tiền nhân dự đoán chất lượng phôi và kết quả lâm sàng trên bệnh nhân làm thụ tinh ống nghiệm	5	X	Tạp chí y dược học quân sự			Tập 34, số 1, trang 55-58	2009
6	Nghiên cứu đặc điểm hình thái phôi ngày 2 và tỷ lệ có thai lâm sàng trên bệnh nhân thụ tinh trong ống nghiệm	4	X	Tạp chí y dược học quân sự			Tập 34, số chuyên đề, trang 37-41	2009
7	Nghiên cứu một số hình thái cấu trúc phôi ba ngày tuổi trên bệnh nhân thụ tinh trong ống nghiệm tại Trung tâm công nghệ phôi	4		Tạp chí y dược học quân sự,			Tập 34, số 3, trang 72-76	2009
8	Nghiên cứu sự thay đổi hình thái cấu trúc phôi trước đông và sau rã đông bằng kỹ thuật thủy tinh hóa tại Trung tâm công nghệ phôi- Học viện Quân y	3		Tạp chí y dược học quân sự			Tập 34, số 3, trang 77-82	2009
9	Nghiên cứu đông lạnh noãn bằng phương pháp tùy tinh hóa	3		Tạp chí y dược lâm sàng 108			Tập 6- số đặc biệt, tháng 3, trang 553-558	2011
10	Hiệu quả hỗ trợ thoát màng bằng acid Tyrode cho phôi đông lạnh	4		Tạp chí y dược học quân sự,			Tập 36, số 6, trang 60-65	2011
11	Lấy tinh trùng từ ống sinh tinh trong hỗ trợ sinh sản đối với bệnh nhân không có tinh	2		Tạp chí y dược học quân sự,			Tập 37, số 3, tháng 3, trang 53-57	2012

	trùng trong tinh dịch							
12	Nghiên cứu bảo quản mô tinh hoàn và các tế bào dòng tinh từ các bệnh nhân vô tinh	4		Tạp chí y dược lâm sàng 108			Tập 7, số 6, trang 108-112	2012
13	Nghiên cứu đánh giá kết quả đông lạnh phôi ngày thứ 5 bằng phương pháp thủy tinh hóa tại Trung tâm công nghệ phôi, Học viện Quân y	4		Tạp chí y dược học quân sự,			Tập 37, số 5, tháng 6, trang 78-82	2012
II	Sau khi công nhận Tiến sỹ							
14	Kết quả bước đầu nghiên cứu hình thái phôi sau sinh thiết để chẩn đoán di truyền trước chuyển phôi	3		Tạp chí y dược học quân sự			Số 6, trang 33-39	2013
15	Nghiên cứu một số phương pháp bảo quản tinh trùng trong phục vụ điều trị vô sinh	6		Tạp chí y dược học quân sự			Tập 38, số 4, trang 75-79	2013
16	Nghiên cứu tác dụng kích thích sinh tinh của thuốc mediphyllamin trên lâm sàng	5		Tạp chí y dược học quân sự			Tập 38, số 4, trang 80-84	2013
17	So sánh tỷ lệ phôi sống, tỷ lệ phôi làm tổ, tỷ lệ có thai lâm sàng của chuyển phôi đông lạnh ngày 3 và ngày 5	5		Tạp chí y dược học quân sự			Tập 38, số 4, trang 89-96	2013
18	Chẩn đoán di truyền tiền làm tổ: các kỹ thuật hiện hành và ứng dụng (Tổng quan)	2		Tạp chí y dược học quân sự			Tập 38, số 4, trang 136-140	2013
19	Study on some factors affecting embryo morphology after biopsy for genetic diagnosis before embryo transfer	4		Journal of Military Pharmacology Medicine			July, pp:50-56	2013
20	Nghiên cứu hình thái phôi sau sinh thiết để	4		Tạp chí y học Việt Nam			Tập 411, tháng 10, số	2013

	chẩn đoán di truyền trước chuyển phôi						đặc biệt, trang 190-1997	
21	Sàng lọc bất thường nhiễm sắc thể trước chuyển phôi bằng kỹ thuật lại tại chỗ đánh dấu huỳnh quang (FISH)	6		Tạp chí y học Việt Nam			Tập 424, tháng 11- số đặc biệt, Trang 152 – 155.	2014
22	Kết quả chuyển phôi ngày 3 và ngày 5 có sử dụng tiêu chuẩn phân loại phôi liên tục lựa chọn phôi chuyển tại trung tâm công nghệ phôi	3		Tạp chí y học Việt Nam			Tập 428, tháng 3- số 1, trang 78-82.	2015
23	Hình thái phôi nuôi cấy ngày 3 và kết quả chuyển phôi ngày 3 có sử dụng đánh giá phân loại phôi liên tục tại Trung tâm công nghệ phôi	3		Tạp chí y học Việt Nam			Tập 428, tháng 3- số 1, trang 115 - 119.	2015
24	Mối liên quan giữa hình thái phôi nuôi cấy ngày 3 và khả năng hình thành phôi túi, chất lượng phôi túi khi nuôi cấy ngày 5 tại Trung tâm công nghệ phôi, Học viện Quân y	4		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 40, số 3, Trang 161 – 167	2015
25	Nghiên cứu sự phát triển phôi sau sinh thiết để chẩn đoán di truyền trước chuyển phôi	5	X	Tạp chí Y dược học quân sự			Tập 40, số 6, tháng 8, trang 45 – 49	2015
26	Hiệu quả đông lạnh phôi toàn bộ trong điều trị tránh quá kích buồng trứng	4		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 433, tháng 8, số 1, trang 114-118	2015
27	Nghiên cứu hình ảnh thoi vô sắc của noãn bằng kính hiển vi ánh sáng phân cực	6	X	Tạp chí Y dược lâm sàng 108			Tập 11, số 2, trang 145-150	2016

28	GnRH đồng vận gây trưởng thành noãn trong các chu kỳ IVF sử dụng phác đồ GnRH đối vận	3		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 41, số 5, tháng 7, trang 35 – 40	2016
29	Kết quả bước đầu áp dụng quy trình chẩn đoán tiền làm tổ tại Học viện Quân y	5		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 41, số 6, tháng 8, trang 13 – 22	2016
30	Kết quả bước đầu ứng dụng quy trình chẩn đoán di truyền trước chuyển phôi bệnh β -thalassemia bằng kỹ thuật minisequencing	6		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 41, số 6, tháng 8, trang: 23 – 29	2016
31	Nghiên cứu hình thái phôi ngày 3 tuổi khi sinh thiết phôi bằng laser để chẩn đoán di truyền tiền làm tổ	4		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 41, số 6, tháng 8, trang: 55 – 61	2016
32	Laser ảnh hưởng như thế nào khi sinh thiết tới khả năng sống sót của phôi ngày 3 và tạo phôi túi	3	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 41, số 6, tháng 8, trang: 69 – 73	2016
33	Hiệu quả của GnRH đồng vận gây trưởng thành noãn trong tránh quá kích buồng trứng trên bệnh nhân thụ tinh trong ống nghiệm	3	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 41, số 8, tháng 10, trang 68 - 73.	2016
34	Kết quả bước đầu ứng dụng quy trình chẩn đoán di truyền trước chuyển phôi bệnh teo cơ tủy tại Học viện Quân y	6		Tạp chí y học Việt Nam			Tập 446, tháng 9- số chuyên đề, trang 190 – 197	2016
35	Đánh giá kết quả thụ tinh trong ống nghiệm bằng phác đồ dài đối với bệnh nhân dưới 35 tuổi tại Trung tâm hỗ trợ sinh sản Quốc gia	2		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 42, số 2, tháng 2, trang 33 - 39.	2017
36	Nghiên cứu một số yếu tố có khả năng tiên lượng kết quả thu	9		Tạp chí y học			Tập 461, tháng 12- số	2017

	ting trùng bằng phương pháp micro tese cho bệnh nhân vô tinh không do tắc			Việt Nam			2, trang 165 -168.	
37	Đánh giá hiệu quả thu tinh trùng từ tinh hoàn bệnh nhân vô tinh không do tắc bằng phương pháp micro tese	8		Tạp chí y học Việt Nam			Tháng 12- số 2, trang 169 -171.	2017
38	Khảo sát cơ bản tỉ lệ tinh trùng di động thẳng và xoay quanh trục	2	X	Tạp chí y học Việt Nam			Tập 454, tháng 5- số 2, trang 131 - 135.	2017
39	The outcome of intracytoplasmic injection of testicular spermatozoa and epididymal spermatozoa obtained from azoospermic men	6		Journal of Ageing Science/2329-8847			Volume 4, Issue 2, pp:1-5	8/2016
40	The effectiveness of transdermal testosterone gel 1% (androgel) for poor responders undergoing in vitro fertilization	3		Gynecological Endocrinology	ISI, Scopus (IF:1.45; Q3)		Published online 31 May, pp:1-3	5/2017
41	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và chỉ định của bệnh nhân thụ tinh trong ống nghiệm-mang thai hộ tại bệnh viện phụ sản trung ương	2		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 42, số 3, tháng 3, trang 55 – 61	2017
42	Đánh giá kiểm soát nhiễm AND trong sinh thiết phôi phục vụ chẩn đoán và sàng lọc tiền làm tổ	10		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 42, số chuyên đề, tháng 9, trang 219 - 225.	2017
43	Hiệu quả giảm tỉ lệ đa thai bằng giảm số phôi chuyển và đông lạnh	3	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 42, số 8, tháng 10, trang 65 -	2017

	phôi					70.	
44	Nghiên cứu biến đổi siêu cấu trúc phôi người nuôi cấy ngày 5 trước đông lạnh và sau rã đông bằng kỹ thuật thủy tinh hóa	3		Tạp chí Y dược học Quân sự.		Tập 43, số 4, tháng 4, trang 13 – 19	2018
45	Nghiên cứu biến đổi hình thái cấu trúc phôi người nuôi cấy ngày 3 trước đông lạnh và sau rã đông bằng kỹ thuật thủy tinh hóa	6		Tạp chí Y dược học Quân sự		Tập 43, số 5, tháng 6, trang 43 – 50	2018
46	Áp dụng kỹ thuật phân tích liên kết gen trong chẩn đoán trước sinh bệnh Hemophilia A	4		Tạp chí y học Việt Nam		Tập 469, tháng 8- số đặc biệt, trang 464 – 469	2018
47	Biến đổi hình thái noãn và kết quả thụ tinh trong ống nghiệm của noãn sau đông lạnh bằng phương pháp thủy tinh hóa	3		Tạp chí Y dược học Quân sự		Tập 43, số 6, tháng 8, trang 30 – 36	2018
48	Hiệu quả sinh thiết phôi túi và chuyển một phôi túi đông lạnh trong chẩn đoán bệnh thalassemia	5	X	Tạp chí Y dược học Quân sự.		Tập 43, số 6, tháng 8, trang 45 – 51	2018
49	Nghiên cứu ảnh hưởng của tinh trùng ít, yếu, dị dạng đến kết quả thụ tinh trong ống nghiệm	2	X	Tạp chí Y dược học Quân sự		Tập 43, số 9, tháng 12, trang 25 – 30.	2018
50	Establishing Assays for Detecting SMNT Gene Mutation in Single Cell Using Nested-PCR Method	7		Biomedical, Journal of Scientific and Technical Research/2574 – 1241		Volume 8 – Issue 1, August, pp: 1-3	8/2018
51	Lấy tinh trùng từ ống sinh tinh trong hỗ trợ sinh sản đối với bệnh nhân azoospermia	3		Tạp chí y học Việt Nam		Tập 483, tháng 10- số chuyên đề, trang 146 - 150.	2019

52	Nghiên cứu hình thái cấu trúc, siêu cấu trúc mô tinh hoàn thu được bằng phương pháp micro tese ở bệnh nhân vô tinh không do tắc	6		Tạp chí y học Việt Nam			Tập 483, tháng 10- số chuyên đề, trang 150 - 156.	2019
53	Phân tích di truyền trước chuyển phôi alpha thalassemia: trao đổi chéo tại HBA locus	3		Tạp chí y học Việt Nam			Tập 483, tháng 10- số chuyên đề, trang 266 - 271.	2019
54	Nghiên cứu xây dựng quy trình chẩn đoán vi khuẩn Helicobacter Pylori trong mẫu nước bọt bằng phương pháp PCR	6		Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam			Tập 61, số 12, tháng 12, trang 9-13	2019
55	The potential of STR in identify of monosomy: case report	3		Revue Medicale Journal of Vietnam medical association,.			Volume 2, December, pp: 49 -55.	2019
56	The Spindle of Oocytes Observed by Polarized Light Microscope Can Predict Embryo Quality	3	X	International Journal of Reproduction, Contracept Obstetrics and Gynecology ISSN: 2320-1770			Volume 8 Issue1, January, pp:131-134	2019
57	Effect of letrozole for ovulation induction combined with intrauterine insemination on women with polycystic ovary syndrome	4	X	Gynecological Endocrinology ISSN: 0951-3590		ISI, Scopus (IF: 1.57; Q4)	Published :online: 03 Apr	2020
58	Đánh giá hình thái phôi ngày 3 của bệnh nhân hội chứng buồng trứng đa nang sử dụng phác đồ GnRH đổi vận kết hợp GnRH đồng vận trưởng thành noãn	3		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 45, số 4, trang 13 – 17.	2020

59	Ultrasound imaging and serum β -HCG as an adjunct to diagnosis of hydatidiform mole evaluating β -HCG surveillance post-evacuation	7		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 45, số 9, trang 149 – 154.	2020
60	Bước đầu nghiên cứu áp dụng kỹ thuật giải trình tự gen thể hệ mới sàng lọc rối loạn nhiễm sắc thể trước chuyển phôi tại Viện Mô phôi lâm sàng Quân đội	5		Tạp chí Y dược học Quân sự			Số đặc biệt, tháng 10, trang 34 - 39.	2020
61	Đánh giá kết quả điều trị vô sinh trên bệnh nhân có hội chứng buồng trứng đa nang sử dụng phác đồ GnRH đối vận trong thụ tinh ống nghiệm	3		Tạp chí Y dược lâm sàng 108			Tập 15 - số 5, trang 145 – 150	2020
62	Đặc điểm cấu trúc mô tinh hoàn ở bệnh nhân vô tinh không do tắc thu được bằng phương pháp micro tese	6		Tạp chí y học Việt Nam			Tập 486, tháng 1- số 1 và 2, trang 134 – 138.	2020
63	Xây dựng quy trình phát hiện đột biến gen ABCD1 liên quan đến loạn dưỡng não chất trắng	6		Tạp chí nội khoa Việt Nam			Số 21, trang 17 – 27.	2021
64	Abdominal wall endometriosis: A rare case report	10		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 46, số 2, trang 99-102	2021
65	Kết quả bước đầu điều trị bệnh nhân thất bại làm tổ liên tiếp bằng huyết tương giàu tiểu cầu tự thân	3		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 46, số 3, trang 38 – 41.	2021
66	Xây dựng quy trình phát hiện đột biến gen ABCC8 liên quan tới bệnh đái tháo đường	8		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 46, số 6, trang 41 – 48.	2021

	sơ sinh							
67	Khảo sát bất thường nhiễm sắc thể ở phôi nang bằng xét nghiệm di truyền tiền làm tổ	3	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 46, số 8, trang 17 – 22.	2021
68	Xác định tần suất đa hình gen MTHFR, MTR và MTRR trên nhóm bệnh nhân sảy thai liên tiếp	8		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 46, số 8, trang 23 – 28.	2021
69	Hiệu quả kết hợp chẩn đoán và sàng lọc di truyền tiền làm tổ trên phôi của bệnh teo cơ tủy	2	X	Tạp chí Y dược lâm sàng 108			Tập 16, số 8, trang 185 - 190.	2021
70	Xác định tần suất alen của một số gen liên quan đến hội chứng tăng đông máu ở bệnh nhân có tiền sử sảy thai liên tiếp	9		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 46, số 9, trang 55 – 61.	2021
71	Novel application of natural killer cell activity test for recurrent miscarriages and repeated implantation failure: A case report in Vietnam	8		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 46, số 9, trang 194 – 198.	2021
72	Establishment of multiplex PCR of 13 STR markers on embryonic cell samples for PGT-M hemophilia A	4		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 46, số 9, trang 206 – 212.	2021
73	The Detection And Genotyping Of The Human Papillomavirus In Vietnam	9		Nat. Volatiles & Essent. Oils ISSN: 2148-9637	Scopus Q3, ISI, IF 0,73		8(4): 11154-11163	2021
74	Using RFLP-PCR, Mini Sequencing and STR Techniques in Preimplantation Diagnosis of Spinal Muscular	13		Biomedical Journal of Scientific & Technical Research			Volume 40- Issue 5, pp:32139-32145	1/20 22

	Dystrophy in Vietnam			ISSN: 2574-1241				
75	Preclinical toxicological evaluation of measles virus vaccine strain in non-human primates: A two-month intravenous study	14	X	Biomedical Research and Therapy ISSN: 2198-4093	Scopus, Q4		8(6):4382-4393	2021
76	Preimplantation Genetic Diagnosis for DEB by Detecting a Novel Family-Specific COL7A1 Mutation in Vietnam	8		The Application of Clinical Genetics ISSN: 1178-704X	ISI, Scopus (IF:1.6, Q2)		15 p:467–472	12/2021
77	Đặc điểm kiểu gen của đa hình MTHFR C677T, MTHFR A1298C, MTR A2756G và MTRR A66G ở phụ nữ sảy thai liên tiếp	7		Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam			Tập 64 – số 2, tháng 2	2022
78	Evaluating the Association Between Genetic Polymorphisms Related to Homocysteine Metabolism and Unexplained Recurrent Pregnancy Loss in Women	8	X	The Application of Clinical Genetics ISSN: 1178-704X	ISI, Scopus, Q3; IF:1,6		15 55–62	2022
79	Successful Pregnancy Following Preimplantation Genetic Diagnosis of Neonatal Diabetes Mellitus by Detection of Mutation on the <i>ABCC8</i> Gene	10		Biomedical Journal of scientific & Technical research ISSN: 2574-1241			Volume 43- Issue 3, pp:34561-34566	4/2022
80	Effect of autologous platelet-rich plasma treatment on patients with thin endometrium	8	X	Resvita Cubana de Medicina Militar ISSN: 1561-3046	Scopus, Q4		51(2):e02201802	2022

81	Đặc điểm bệnh nhân giảm dự trữ buồng trứng và đáp ứng phát triển nang trứng với phác đồ kích thích buồng trứng kép	3	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 47, số 2, trang 13 – 19.	2022
82	Đánh giá hiệu quả bước đầu của phác đồ kích thích buồng trứng kép trong thụ tinh ống nghiệm	3		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 47, số 4, trang 30 – 37.	2022
83	Kết quả áp dụng quy trình xét nghiệm di truyền trước làm tổ bệnh Hemophilia A	4		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 47, số 5, Trang 42 – 50.	2022
84	Tỉ lệ vô tinh, thiếu tinh nhẹ, thiếu tinh nặng và nồng độ hormone sinh sản ở bệnh nhân vô sinh có vi mất đoạn AZF tại Bệnh viện Nam học và hiếm muộn Hà Nội	7		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 47, số 5, Trang 50 – 58.	2022
85	Đặc điểm đột biến gen F8 ở các gia đình tham gia xét nghiệm di truyền trước làm tổ bệnh Hemophilia A	4		Tạp chí y học Việt Nam			Tập 515, tháng 6- số 1, trang 283 – 286.	2022
86	Chuyển đơn phôi nang: giải pháp hiệu quả để giảm thiểu nguy cơ đa thai ở bệnh nhân dưới 35 tuổi	4	X	Tạp chí y học Việt Nam			Tập 517, tháng 8- số 1, trang 240 – 243.	2022
87	Ảnh hưởng của hình thái noãn có lưới nội chất trơn đến kết quả thụ tinh ống nghiệm	3	X	Tạp chí y học Việt Nam			Tập 518, tháng 9- số chuyên đề, trang 143 – 147.	2022
88	Mối liên quan giữa nồng độ progesterone huyết thanh trước chuyển phôi với kết quả có thai ở chu kỳ chuyển phôi đông lạnh	6		Tạp chí y học Việt Nam			Tập 518, tháng 9- số chuyên đề, trang 190 – 196.	2022
89	Liên quan giữa độ dày niêm mạc tử cung với	7		Tạp chí y học			Tập 518,	2022

	kết quả chuyển phôi nang đông lạnh			Việt Nam			tháng 9- số chuyên đề, trang 196 – 202.	
90	Correlation between amh level and number of oocytes, embryos obtained by age groups in patients undergoing in vitro fertilization combined with preimplantation genetic testing for aneuploidy	4		Tạp chí Y dược học Quân sự			Tập 48, số 4, trang 134 – 142.	2023
91	Nghiên cứu mất đoạn AZF và nồng độ hormone sinh dục ở bệnh nhân thiếu tinh và vô tinh	1	X	Tạp chí y học Việt Nam			Tập 526, số 1B, trang: 101-106	2023
92	So sánh hiệu quả phác đồ trưởng thành noãn kép và trưởng thành noãn bằng HCG đơn thuần trên nhóm đáp ứng buồng trứng trung bình ở các chu kỳ thụ tinh trong ống nghiệm	1	X	Tạp chí y học Việt Nam			Tập 526, số 1B, trang: 282-285	2023
93	Chẩn đoán di truyền tiền lâm tổ bệnh thiếu men glucose 6-phosphatase dehydrogenase (G6PD)	4	X	Tạp chí y học Việt Nam			Tập 526, số 1B, trang: 346-351	2023

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 04 (số TT 57, 75, 78, 80).

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Giải pháp hữu ích: “Quy trình sàng lọc bệnh teo cơ tủy từ phôi thụ tinh trong ống nghiệm”.	Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ khoa học và công nghệ	10/05/2018 theo quyết định số: 31275/QĐ-SHTT	Đồng tác giả	7
2	Giải pháp hữu ích: “Quy trình nuôi cấy phôi và thu hồi AND	Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ khoa	22/09/2022 theo quyết định số:	Đồng tác giả	6

từ phê duyệt sàng lọc di truyền không xâm lấn".	học và công nghệ	16152w/QĐ-SHTT		
---	------------------	----------------	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội , ngày 20 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Thanh Tùng